

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 08-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đào** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Hồng Quang** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐHPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Đoàn Văn L** sinh ngày 03/8/1989 tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Hồng C, sinh năm 1954; con bà: Phạm Thị Q, sinh năm 1957; có vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1993 và 03 con: Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2024 đến ngày 19/01/2024 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại ở xã H, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Văn T** sinh ngày 03/7/1982 tại huyện T, tỉnh P. Nơi cư trú: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Hồng C, sinh năm 1954 và con bà: Phạm Thị Q, sinh năm 1957; có vợ: Chu Thị S, sinh năm 1985 và 2 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn B** sinh ngày 15/9/1973 tại huyện T, tỉnh P. Nơi cư trú: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; có vợ: Phan

Thị L, sinh năm 1976 và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thị Đ** sinh ngày 02/01/1985 tại huyện T, tỉnh P. Nơi cư trú: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1956 và con bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1958; có chồng: Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1978 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện T, tỉnh P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu Đá Đ, xã T, huyện T, tỉnh P.

2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 21, xã H, huyện T, tỉnh P.

3. Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu C, xã C, huyện T, tỉnh P.

(Anh T, anh T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 15 phút ngày 13/01/2024, tại khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T kiểm tra phát hiện Đoàn Văn L, sinh năm 1989, trú tại khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho một số đối tượng thông qua mạng xã hội Zalo. Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16k, màu xanh, không lắp sim bên trong có nhiều nội dung tin nhắn liên quan đến hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề và số tiền 40.447.000đ

Quá trình điều tra, Đoàn Văn L khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Đầu tháng 12/2023, Đoàn Văn L nảy sinh ý định đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề. Để tránh bị phát hiện, L sử dụng tài khoản Zalo có tên là “Mãi Lộc Lộc Mãi” đăng ký bằng số điện thoại 0359215956 của L để thực hiện hành vi đánh bạc.

Về cách thức đánh bạc và tỷ lệ thắng thua, L thỏa thuận với người mua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày để xác định thắng thua.

Đối với số đề, người mua có thể mua một hoặc nhiều số từ 00 đến 99, nếu số đã mua trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt thì người mua trúng thưởng số tiền gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua, còn đối với số “đề đầu” cũng tương tự cách thức và tỷ lệ thắng thua như trên nhưng sử dụng 2 số đầu của giải đặc biệt để xác định thắng thua. Để thu hút người chơi, L triết khấu cho khách từ 25% đến 28,5% tiền đề.

Đối với số lô, tương tự như số đề, người mua có thể mua một hoặc nhiều số từ 00 đến 99 nhưng mỗi số sẽ mua theo điểm tương ứng với số tiền từ 21.800đ đến 22.000đ/1 điểm (Tùy từng người mua). Nếu số lô người chơi mua trùng với 2 số cuối của một trong 27 giải xổ số thì người mua trúng thưởng số tiền tương ứng với số điểm đã mua là 80.000đ/01 điểm.

Việc thanh toán tiền thắng thua sẽ thực hiện sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc dưới hình thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

Bằng cách thức như trên, ngày 13/01/2024, tại khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P, L sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh, không lắp sim, đăng nhập tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” đăng ký bằng số điện thoại 0359215956 bán các số lô, số đề cho 06 người gồm:

1. Nguyễn Thị Đ sử dụng chiếc điện thoại di động iPhone 6S Plus lắp sim số 0352598138 đăng nhập tài khoản Zalo “B Tôi” đăng ký bằng số điện thoại 0352598138 của Đ nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 6.300.000đ, số tiền này Đ chưa thanh toán cho L. Ngày 05/3/2024, Đ đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

2. Đoàn Văn T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, màu xanh, lắp sim số 0967576603 đăng nhập tài khoản Zalo tên là “Lộc Đến” đăng ký số điện thoại 0967576603 của T nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 15.092.000đ, số tiền này T chưa thanh toán cho L. Ngày 05/3/2024, T đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

3. Nguyễn Văn B sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 PRO, màu đen, không lắp sim đăng nhập tài khoản Zalo “Nguyen Xuan Buu” không xác định được đăng ký bằng số điện thoại nào nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 13.430.000đ, số tiền này B chưa thanh toán cho L. Ngày 07/3/2024, B đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

4. Nguyễn Văn T sử dụng chiếc điện thoại SAMSUNG J5, màu xám, không lắp sim đăng nhập tài khoản Zalo “Nguyễn T” đăng ký bằng số điện thoại 0389094913 của T nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L để mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 1.060.000đ, số tiền này T chưa thanh toán cho L. Ngày 06/3/2024, T đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

5. Nguyễn Văn T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, lắp sim số 0978644853 đăng nhập tài khoản Zalo “Nguyễn Văn T” đăng ký bằng số điện thoại 0978644853 của T nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 1.940.000đ, số tiền này T chưa thanh toán cho L. Ngày 28/02/2024, T đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

6. Bùi Văn H sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, lắp sim số 0968814456 đăng nhập tài khoản Zalo “H Bui” đăng ký bằng số điện thoại 0968814456 của H nhắn tin đến tài khoản Zalo “Mãi Lộc Lộc Mãi” của L mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 2.625.000đ, số tiền này H chưa thanh

toán cho L. Ngày 01/3/2024, H đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Về số tiền đánh bạc: Nguyễn Thị Đ, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Bùi Văn H đều thừa nhận hành vi đánh bạc với Đoàn Văn L như trên. Hành vi đánh bạc của L với Đ, T, B, T, T, H bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng nên số tiền L đánh bạc được xác định là tổng số tiền L đánh bạc với Đ, T, B, T, T, H là 40.447.000đ. Còn đối với Đ, T, B, T, T, H, số tiền đánh bạc của mỗi người là số tiền của riêng người đó bỏ ra để mua các số lô, số đề của L và lần lượt là 6.300.000đ, 15.092.000đ, 13.430.000đ, 1.060.000đ, 1.940.000đ, 2.625.000đ.

Về vật chứng của vụ án gồm: Đối với 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 màu xanh lắp sim số 0967576603 của T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 PRO, màu đen, không lắp sim của B, 01 chiếc điện thoại SAMSUNG J5, màu xám, lắp sim số 0389094913 của T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, lắp sim số 0978644853 của T, sau khi sự việc bị phát hiện các đối tượng đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được. Các vật chứng còn lại gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh, không lắp sim (Thu giữ của Đoàn Văn L); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus, màu vàng, lắp sim số 0352598138 (Thu giữ của Nguyễn Thị Đ); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, lắp sim số 0968814456 (Thu giữ của Bùi Văn H) và số tiền Việt Nam 90.127.000đ

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định:

1. Bị cáo Đoàn Văn L hiện sống cùng gia đình tại căn nhà tạm có diện tích 80m². Căn nhà được xây dựng trên thửa đất khai hoang (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông Đoàn Hồng C và bà Phạm Thị Q cùng ở địa chỉ: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P (là bố mẹ của bị cáo L).

2. Bị cáo Đoàn Văn T hiện sống cùng gia đình tại căn nhà 2 tầng có diện tích 70m²/1 sào. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất có diện tích 100 m² thuộc quyền sở hữu của ông Đoàn Hồng C và bà Phạm Thị Q cùng ở địa chỉ: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P (là bố mẹ của bị cáo T).

3. Bị cáo Nguyễn Văn B hiện sống cùng gia đình tại căn nhà 2 tầng có diện tích 120m²/1 sào. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất có diện tích 120m² ở địa chỉ: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P đứng tên bị cáo Nguyễn Văn B và vợ là Phạm Thị L.

4. Bị cáo Nguyễn Thị Đ hiện sống cùng gia đình tại căn nhà 1 tầng mái bằng có diện tích 80m². Căn nhà được xây dựng trên thửa đất có diện tích 180m² ở địa chỉ: Khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P đứng tên bị cáo Nguyễn Thị Đ và chồng là Nguyễn Mạnh T.

Quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng bị thu giữ và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 08/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Đoàn Văn L, Nguyễn Văn B, Đoàn Văn T và Nguyễn Thị Đ về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

a. Về trách nhiệm hình sự:

* Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn L từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và Bản án, bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo L số tiền từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn B.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và Bản án.

Về hình phạt bổ sung không áp dụng đối với 02 bị cáo T và bị cáo B.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo: L, T và B.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- Số tiền 40.447.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

* Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K đã qua sử dụng, màu xanh, số IMEL1: 863348055286958, số IMEL2: 863348055286941, không lắp sim (Thu giữ của Đoàn Văn L).

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus đã qua sử dụng, màu vàng, số máy MN2X2VN/A, số sê ri F2LX54SRHFM4, số IMEI 355734077580772 (Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Đ).

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 đã qua sử dụng, màu xanh số IMEI1: 866787053631516, số IMEI2: 866787053631508 (Thu giữ của Bùi Văn H).

* Tịch thu và tiêu hủy: Sim số 0352598138 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Đ và sim số 0968814456 thu giữ của Bùi Văn H.

* Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn L số tiền 49.680.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

b. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Văn L, Nguyễn Văn B, Đoàn Văn T và Nguyễn Thị Đ đồng ý với bản cáo trạng và không có ý kiến gì về bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Đoàn Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đoàn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2]. Về hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo:

Ngày 13/01/2024, tại khu 19, xã H, huyện T, tỉnh P, Đoàn Văn L đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức sử dụng mạng xã hội Zalo bán số lô, số đề trái phép cho Nguyễn Thị Đ, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Bùi Văn H với tổng số tiền đánh bạc L phải chịu trách nhiệm hình sự là 40.447.000đ.

Đối với Nguyễn Thị Đ, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B là người mua số lô, số đề trái phép của Đoàn Văn L nên phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đánh bạc lần lượt là 6.300.000đ, 13.430.000đ, 15.092.000đ.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, số đề của các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, và Nguyễn Thị Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia đình. Xong vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, và Nguyễn Thị Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B, và Nguyễn Thị Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Thị Đ là người phạm tội là phụ nữ có thai và sau khi phạm tội bị cáo Đ đã đến Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ là người có thu nhập và có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, như vậy vừa có tác dụng răn đe giáo dục, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật mà có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T và Nguyễn Văn B xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của

mình, có nơi cư trú rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự có thể áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Đ tuy nhiên:

Bị cáo Đoàn Văn L không có tài sản riêng có giá trị, thu nhập không ổn định, không có công ăn việc. Bị cáo L được trả lại số tiền 49.680.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đây là số tiền do bị cáo lao động, tích góp được không liên quan đến hành vi đánh bạc nên trả lại cho bị cáo. Vì vậy, áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo L để đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Thị Đ ngoài tài sản chung của vợ chồng thì bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B và bị cáo Đ.

Bị cáo Đoàn Văn T không có tài sản riêng có giá trị, thu nhập không ổn định, không có công ăn việc làm vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[6]. Về khấu trừ một phần thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T và Nguyễn Văn B có thu nhập không ổn định vì vậy miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo. Tuy nhiên cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn T có hành vi mua số lô, số đề của Đoàn Văn L với số tiền 1.060.000đ, số tiền đánh bạc này dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bản thân T chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên hành vi không cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Ngày 06/3/2024 T đã nộp số tiền 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) và Công an huyện Thanh Thủy xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn T có hành vi mua số lô, số đề của Đoàn Văn L với số tiền 1.940.000đ số tiền đánh bạc này dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bản thân T chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên hành vi không cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Ngày 28/2/2024 T đã nộp số tiền 1.940.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) và Công an huyện Thanh Thủy xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Văn H có hành vi mua số lô, số đề của Đoàn Văn L với số tiền 2.625.000đ số tiền đánh bạc này dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bản thân H năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử 09 (Chín)

tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo bản án số 16/HSST ngày 24/4/2019 đến nay đã chấp hành xong bản án và được xóa tiền án. Ngày 01/3/2024 H đã nộp số tiền 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và Công an huyện Thanh Thủy xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về vật chứng:

Đối với số tiền 40.447.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Các bị cáo và các đối tượng đã nộp: Bị cáo Nguyễn Thị Đ: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng); Bị cáo Nguyễn Văn B: 13.430.000đ (Mười ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng); Bị cáo Đoàn Văn T: 15.092.000đ (Mười lăm triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng); Anh Bùi Văn H: 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Anh Nguyễn Văn T: 1.940.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng); Anh Nguyễn Văn T: 1.060.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) xác định các bị cáo và các đối tượng sử dụng trong việc đánh bạc nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền này.

Đối với Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K đã qua sử dụng, màu xanh, số IMEI1: 863348055286958, số IMEI2: 863348055286941, không lắp sim (Thu giữ của L). Xét thấy bị cáo L đã sử dụng điện thoại di động để đánh bạc với các bị cáo T, B, Đ và ngoài ra còn có anh T, anh T và anh H nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus đã qua sử dụng, màu vàng, số máy MN2X2VN/A, số sê ri F2LX54SRHFM4, số IMEI 355734077580772 (Thu giữ của bị cáo Đ). Xét thấy bị cáo Đ đã sử dụng điện thoại di động để đánh bạc với bị cáo L nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 đã qua sử dụng, màu xanh số IMEI1: 866787053631516, số IMEI2: 866787053631508 (Thu giữ của Bùi Văn H). Xét thấy anh H đã sử dụng điện thoại di động để đánh bạc với bị cáo L nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: Sim số 0352598138 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Đ và sim số 0968814456 thu giữ của Bùi Văn H là vật chứng không có giá trị vì vậy tịch thu và tiêu hủy.

Đối với số tiền 49.680.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đoàn Văn L xét thấy số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo L là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 màu xanh lắp sim số 0967576603 của T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J2 PRO, màu đen, không lắp sim của B, 01 chiếc điện thoại SAMSUNG J5, màu xám, lắp sim số 0389094913 của T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, lắp sim số 0978644853 của T, sau khi sự việc bị phát hiện các đối tượng đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

1. Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn L** 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/01/2024 đến ngày 19/01/2024 là 06 (Sáu) ngày = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 35 (Ba mươi lăm) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và Bản án. Giao bị cáo Đoàn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Đoàn Văn L có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Văn L số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Đoàn Văn L phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P thực hiện việc buộc bị cáo Đoàn Văn L lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

2. Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và Bản án. Giao bị cáo Đoàn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Đoàn Văn T có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Đoàn Văn T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P thực hiện việc buộc bị cáo Đoàn Văn T lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn B có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Nguyễn Văn B phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P thực hiện việc buộc bị cáo Nguyễn Văn B lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Đ** 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2 Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

Số tiền 40.447.000đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K đã qua sử dụng, màu xanh, số IMEL1: 863348055286958, số IMEL2: 863348055286941, không lắp sim (Thu giữ của Đoàn Văn L).

Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus đã qua sử dụng, màu vàng, số máy MN2X2VN/A, số sê ri F2LX54SRHFM4, số IMEI 355734077580772 (Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Đ).

Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 đã qua sử dụng, màu xanh số IMEI1: 866787053631516, số IMEI2: 866787053631508 (Thu giữ của Bùi Văn H).

* Tịch thu và tiêu hủy: Sim số 0352598138 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Đ và sim số 0968814456 thu giữ của Bùi Văn H.

Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn L số tiền 49.680.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Đoàn Văn L, Đoàn Văn T, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt được quyền kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Công an huyện Thanh Thủy;
- CQTHAHS huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THA huyện Thanh Thủy;
- UBND xã H;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

